TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 7 – CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 77/2025/DS-ST.
Ngày: 09/9/2025
V/v tranh chấp hợp đồng góp hụi

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGÃ NĂM – TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Vàng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Hồng

Ông Nguyễn Văn Tân

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thuận Phát, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ tham gia phiên tòa: Bà Lê Ngọc Niềm - Kiểm sát viên.

Trong ngày 09 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 24/2025/TLST-DS ngày 21 tháng 7 năm 2025 về việc "Tranh chấp hợp đồng góp hụi". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 118/2025/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Phạm T, sinh ngày 01/01/1967 (có mặt)

Số căn cước công dân: 094167001249, ngày cấp 24/04/2021

Địa chỉ: ấp L, xã T, thành phố Cần Thơ.

- *Bị đơn:*

1. Ông Nguyễn V, sinh ngày 22/12/1973 (vắng mặt)

Số căn cước công dân: 094073012571; số CMND 365917407

2. Bà Nguyễn L, sinh ngày 01/01/1975 (vắng mặt)

Số căn cước công dân: 094175010108; số CMND 366089744

Cùng địa chỉ: ấp L, xã T, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1/ Theo đơn khởi kiện lập ngày 19/5/2025, quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa nguyên đơn bà Phạm T trình bày:

Năm 2018 bà có làm chủ hụi, đứng ra kêu hụi thì có nhiều người tham gia trong đó có vợ chồng bà Nguyễn L và ông Nguyễn V tham gia chơi các dây hụi, cụ thể như sau:

Dây hụi 5.000.000 đồng, hụi mùa, khui ngày 20/4/2018 âm lịch, 03 tháng khui một lần, hụi này có 14 phần, vợ chồng bà L tham gia một phần, vợ chồng bà L đã đóng hụi sống và hốt hụi, bà đã giao đủ tiền hụi cho vợ chồng bà L. Tuy nhiên sau khi hốt hụi xong thì vợ chồng bà L chỉ đóng hụi chết cho bà được hai lần và không đóng tiền hụi chết cho bà nữa, hiện nay dây hụi này đã mãn. Bà cũng liên hệ vợ chồng bà L để đòi tiền thì giữa các bên đã tính toán lại vợ chồng bà L còn nợ lại bà số tiền hụi chết là 41.500.000 đồng. Rồi bà làm đơn gửi đến Ban nhân dân ấp L, xã T hòa giải, tại buổi hòa giải ngày 07/4/2023 giữa bà và bà Nguyễn L được tổ hòa giải ấp L, xã T tiến hành hòa giải thì bà L thừa nhận còn nợ bà số tiền hụi là 41.500.000 đồng; bà L và bà thỏa thuận vụ lúa hè thu bà L trả cho bà số tiền 5.000.000 đồng và vụ lúa đông xuân trả cho bà số tiền 10.000.000 đồng. Tuy nhiên, đến thời điểm bà khởi kiện thì vợ chồng bà L chỉ mới trả cho bà được số tiền 8.500.000 đồng, mỗi vụ lúa trả 3.000.000 đồng hoặc 2.000.000 đồng hoặc 500.000 đồng. Còn nợ lại bà số tiền hụi là 33.000.000 đồng. Do đó, đơn khởi kiện bà yêu cầu bà Nguyễn L cùng chồng là ông Nguyễn V liên đới trả cho bà số tiền nợ hụi là 33.000.000 đồng. Nhưng sau đó vợ chồng bà L có gửi trả cho bà được số tiền 2.000.000 đồng nên bà rút lại số tiền hụi 2.000.000 đồng. Nguyên đơn bà T chỉ yêu cầu bà L và ông V trả cho bà số tiền hụi còn nợ là 31.000.000 đồng.

2/ Bị đơn bà Nguyễn L không có ý kiến trình bày.

3/ Bị đơn ông Nguyễn V có ý kiến trong biên bản tống đạt Quyết định hoãn phiên tòa như sau:

Ông không đồng ý thưa ông mà lấy tiền của ông. Ngày 20/5/2025 lấy tiền của ông hết 2.000.000 đồng một vụ lúa, trả rồi mà còn thưa ông là ông không đồng ý.

3/ *Kiểm sát viên thuộc Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ tham gia phiên toà phát biểu quan điểm:*

Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ và đưa vụ án ra xét xử đúng trình tự thủ tục của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đúng thành phần, thực hiện đầy đủ các thủ tục, trình tự khi xét xử vụ án. Nguyên đơn có mặt chấp hành tốt nội quy phiên tòa và quy định của pháp luật. Các bị đơn vắng mặt không rõ lý do tại phiên tòa lần thứ hai là chưa chấp hành đúng quy định triệu tập của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Kiểm sát viên phát biểu về tính có căn cứ về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm T. Buộc các bị đơn ông Nguyễn V và bà Nguyễn L cùng có trách nhiệm liên đới trả cho nguyên đơn bà Phạm T số tiền hụi còn nợ là

31.000.000 đồng. Đình chỉ xét xử đối với một phần rút kiện số tiền hụi 2.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại các phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về việc vắng mặt của đương sự: Các bị đơn ông Nguyễn V và bà Nguyễn L vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không rõ lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt các bị đơn.

[2] Việc rút lại một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể nguyên đơn bà T rút lại số tiền nợ hụi 2.000.000 đồng chỉ yêu cầu các bị đơn ông V và bà T trả số tiền 31.000.000 đồng, việc rút một phần yêu cầu khởi kiện là hoàn toàn tự nguyện nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự đình chỉ xét xử đối với số tiền nợ hụi 2.000.000 đồng.

[3] Nguyên đơn bà Phạm T yêu cầu các bị đơn ông Nguyễn V và bà Nguyễn L cùng có trách nhiệm liên đới trả số tiền nợ hụi là 31.000.000 đồng. Bị đơn ông V không đồng ý kiện ông vì ngày 20/5/2025 ông đã trả tiền hết 2.000.000 đồng một vụ lúa mà còn thưa ông. Bị đơn bà L thì không có ý kiến phản đối. Hội đồng xét xử nhận thấy:

Tại biên bản hòa giải cơ sở lập ngày 07/04/2023 của tổ hòa giải ấp L, xã T tiến hành hòa giải giữa bà Phạm T và bà Nguyễn L thì bà L thừa nhận còn nợ bà T số tiền hụi là 41.500.000 đồng; bà L và bà T thỏa thuận vụ lúa hè thu bà L trả cho bà T số tiền 5.000.000 đồng và vụ lúa đông xuân trả cho bà T số tiền 10.000.000 đồng. Tuy nhiên, từ năm 2023 đến khi bà T khởi kiện vợ chồng bà L chỉ mới trả cho bà T số tiền 8.500.000 đồng, mỗi vụ lúa trả 3.000.000 đồng hoặc 2.000.000 đồng hoặc 500.000 đồng; Và đến ngày 20/5/2025 ông Văn tiếp tục trả cho bà Tươi số tiền 2.000.000 đồng. Như vậy, vợ chồng ông V và bà L chưa thực hiện đúng như thỏa thuận tại biên bản hòa giải lập ngày 07/04/2023. Vì vậy, việc bà T khởi kiện yêu cầu ông V và bà L cùng có trách nhiệm trả số tiền nợ hụi còn thiếu 31.000.000 đồng là có căn cứ theo quy định tại Điều 166, Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 16 và các khoản 2, 3 Điều 17; Điều 24 của Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về họ, hụi, biêu, phường. Cho nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà T được Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ. Buộc ông V và bà L cùng có trách nhiệm liên đới hoàn trả cho bà T số tiền hụi còn nợ 31.000.000 đồng.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm T được chấp nhận nên bà T không phải chịu án phí. Bà Phạm T được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 825.000 đồng theo biên lai thu số 0000831 ngày 21/7/2025 của cơ quan Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ. Các bị đơn ông Nguyễn V và bà Nguyễn L phải liên đới chịu án phí theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban

Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Số tiền án phí phải chịu là 31.000.000 đồng x 5% = 1.550.000 đồng.

[5] Từ những phân tích nêu trên, xét lời đề nghị của Kiểm sát viên là có cơ sở và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227; Điều 228; khoản 2 Điều 244; Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Áp dụng Điều 166; Điều 471 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 16; Điều 17; Điều 24 của Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về họ, hụi, biêu, phường;

Áp dụng khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm T về việc yêu cầu ông Nguyễn V và bà Nguyễn L cùng liên đới trả tiền hụi.

2/ Buộc ông Nguyễn V và bà Nguyễn L cùng có trách nhiệm liên đới trả cho bà Phạm T số tiền hụi là 31.000.000 đồng (Ba mươi mốt triệu đồng).

3/ Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

4/ Đình chỉ xét xử đối với số tiền hụi 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) mà nguyên đơn bà Phạm T rút lại tại phiên tòa.

5/ *Về án phí dân sự sơ thẩm*:

+ Hoàn trả bà Phạm T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 825.000đ theo biên lai thu số 0000831 ngày 21/7/2025 của cơ quan Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ.

+ Bị đơn ông Nguyễn V và bà Nguyễn L cùng liên đới chịu án phí số tiền 1.550.000 đồng (Một triệu, năm trăm năm chục nghìn đồng).

6/ Quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

7/ Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung.

***Nơi nhận*:**
- VKSND khu vực 7 – Cần Thơ;
- THADS thành phố Cần Thơ;
- Phòng THADS khu vực N – Cần Thơ;
- TAND thành phố Cần Thơ;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Thị Vàng